

Số: 252/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 6 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực quản lý của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 66/TTr-SLĐTBXH ngày 23/6/2015; của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản thẩm định số 1013/STP-KSTT ngày 22/6/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 28 thủ tục hành chính ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (có danh mục TTHC và nội dung cụ thể kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành, thay thế các TTHC tại Quyết định 4030/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
  - Trung tâm CB-TH, VP UBND tỉnh (đăng tải);
  - Lưu: VT, VX1;
- Gửi: Bản giấy và Điện tử.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**ĐPHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thiện

**PHẦN I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THUỘC THẨM QUYỀN**  
**QUẢN LÝ CỦA NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ÁP**  
**DỤNG TẠI UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2015*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

TT	Tên thủ tục hành chính
<b>I. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG</b>	
1.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân gia đình liệt sỹ hoặc người thờ cúng liệt sỹ
2.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ
3.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam Anh hùng hoặc đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng
4.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
5.	Xác nhận và giải quyết chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh
6.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh, bệnh binh đồng thời là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
7.	Xác nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
8.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng
9.	Giải quyết mai táng phí, trợ cấp một lần cho người có công với cách mạng từ trần
10.	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công với cách mạng từ trần
11.	Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người có công với cách mạng
12.	Đổi hoặc cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"
13.	Trợ cấp mai táng phí cho thân nhân đối tượng hưởng trợ cấp 1 lần theo Quyết định 290; Quyết định 62; Cựu chiến binh
14.	Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định 290; Quyết định 62; Cựu chiến binh
15.	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng
<b>II. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b>	
1.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng

2.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
3.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
4.	Hỗ trợ chi phí mai táng
5.	Trợ cấp đột xuất
6.	Hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng mà không còn người thân thích chăm sóc
7.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp tại cộng đồng
8.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp tại cộng đồng đối với trẻ em có cha mẹ bị chết, mất tích theo quy định của pháp luật
9.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp tại cộng đồng đối với nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân bị xâm hại tình dục, trẻ em, người lang thang ăn xin, các đối tượng khác trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú hoặc vào cơ sở bảo trợ xã hội
10.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội
11.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội
12.	Cấp, cấp lại và điều chỉnh giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi có trụ sở chính đặt tại huyện, thành phố, thị xã
13.	Cấp, cấp lại và điều chỉnh giấy phép hoạt động chăm sóc người khuyết tật có trụ sở chính đặt tại huyện, thành phố, thị xã